

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2021/DS – ST**

Ngày: 11/01/2021.

V/v tranh chấp: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11/01/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2020/TLST – DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST – DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ Bi đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp , xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2020, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 25/7/2018 âm lịch bà L có cho bà H vay 480.000.000 đồng, khi cho vay có làm hợp đồng vay tiền, vay không lãi suất, thời hạn thanh toán là mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tiền gốc cho đến khi trả dứt nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H trả cho bà L được 18.000.000 đồng, sau đó bà H không trả theo thỏa thuận và còn nợ lại bà L 462.000.000 đồng tiền nợ gốc. Bà L nhiều lần yêu cầu bà H trả số tiền 462.000.000 đồng nhưng bà H vẫn không trả.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà L 462.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà H nhưng bà H không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà L.

Tại phiên tòa:

Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà L 462.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bà H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 25/7/2018 âm lịch giữa bà Nguyễn Thị L và bà Hồ Thị H có thiết lập giao dịch dân sự về việc vay tiền. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 10/8/2020 của Công an xã T, huyện H: Bà Hồ Thị H có đăng ký thường trú tại ấp S, xã T, huyện H và hiện nay đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H.

[4] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà L 462.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà L đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng vay tiền đề ngày 25/7/2018 âm lịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L:

Tài liệu, chứng cứ do bà L giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp là hợp đồng vay tiền đề ngày 25/7/2018 âm lịch. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà H nhưng bà H không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Loan. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng trên bà H không có ý kiến, không phản đối với yêu cầu khởi kiện của bà L theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, coi như mặt nhiên thừa nhận còn nợ bà L 462.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà H không trả tiền cho bà L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Loan. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà L 462.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà L 462.000.000 đồng.

Về lãi: Do bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà H phải chịu: 22.480.000 đồng [20.000.000 đồng + (4% x 62.000.000 đồng) = 22.480.000 đồng].

Bà Liên không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 11.240.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Hồ Thị H.

Buộc bà Hồ Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L 462.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi hai triệu đồng*).

[2]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Hồ Thị H phải chịu: 22.480.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 11.240.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0001997 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Hồ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải